

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2018

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Ngô Văn Tuyên

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh Võ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T hay chơi bài bạc, hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Thời gian sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho tới nay. Xét hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được. Vì vậy chị H làm đơn

xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị Tòa án giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa chị với anh Võ Văn T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị và anh T có 03 con chung là:

1. Cháu Võ Văn L, sinh năm 1993;
2. Cháu Võ Văn K, sinh năm 1995;
3. Cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21/5/2001.

Hiện nay các cháu Võ Văn L và Võ Văn K đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Võ Thị Ngọc Q sinh ngày 21/5/2001 còn nhỏ và hiện đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Ngọc Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Ngọc Q thì chị H không yêu cầu anh Võ Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị với anh Võ Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị với anh Võ Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có ý kiến gì khác.

*** Đối với bị đơn anh Võ Văn T**: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh T để anh T tham gia tố tụng nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phùng Thị H và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21-5-2001 cho chị Phùng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phùng Thị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

Đối với cháu Võ Văn L, sinh năm 1993 và cháu Võ Văn K, sinh năm 1995, các cháu đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng vì vậy không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phùng Thị H xác định chị với anh Võ Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Chị với anh Võ Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phùng Thị H khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Võ Văn T cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn ly hôn của chị Phùng Thị H, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Võ Văn T được ly hôn, đồng thời giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Võ Văn T để anh T tham gia tố tụng nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh T. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn anh Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phùng Thị H với anh Võ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa chị H và anh T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Phùng Thị H và anh Võ Văn T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị Phùng Thị H và anh Võ Văn T không được công nhận là vợ chồng.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị Phùng Thị H và anh Võ Văn T có 03 con chung là: Cháu Võ Văn L, sinh năm 1993; cháu Võ Văn K, sinh năm 1995 và cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21-5-2001.

Hiện nay cháu Võ Văn L, sinh năm 1993 và cháu Võ Văn K, sinh năm 1995, các cháu đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

Riêng cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21-5-2001, cháu còn nhỏ và hiện đang sống cùng với chị H. Quá trình lấy lời khai cháu Q tại Tòa án, thì cháu Q có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Phùng Thị H (BL28), và hiện nay cháu Q đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21-5-2001 cho chị Phùng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Anh Võ Văn T được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H không yêu cầu anh Võ Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phùng Thị H xác định chị và anh Võ Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phùng Thị H và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

- Đối với con chung là cháu Võ Văn L, sinh năm 1993 và cháu Võ Văn K, sinh năm 1995, các cháu đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

- Giao cháu Võ Thị Ngọc Q, sinh ngày 21-5-2001 là con chung giữa chị Phùng Thị H với anh Võ Văn T cho chị Phùng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Anh Võ Văn T được quyền đi lại, thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh Võ Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

3. Về chia tài sản và công nợ chung: Chị Phùng Thị H xác định chị và anh Võ Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Phùng Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2016/0002368 ngày 04 tháng 10 năm 2017.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh